

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 23/1/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		AMD+HSD	7:25	18+4	0+0		18+4	0+0	
2		CLO+BK19+BK21	7:25	22+0+0	0+0+0		19+2+0	0+0+0	CHUYEN 1 BK19-BK21
3		TD1+TD2	7:25	19+2	0+0		14+0	0+0	CHUYEN 2 TD1- TD2
4		BK16+CTK3+BK6	7:25	6+16+0	0+0+0		5+12+3	0+0+0	
5		PPD+RC3+GTC1	9:25	11+5+5	0+0+0		9+0+13	0+0+0	
6		CTK3+P5+AMD	9:25	16+6	0+0		12+4+4	0+0	
7		P1+CTK3	9:25	9+13	0+0		2+16	0+0	
8		TTCl+PPD	9:25	4+17	0+0		0+22	0+0	
9		CLO+CTK3+BK16	11:25	13+3+6	0+0+0		6+9+6	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ đi về TRONG NGÀY ctk3-7NG, bk16-3NG

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	TO: AMD - HSD	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HUNG - Son - HIẾU	ETA: 09:20
XANH-1			

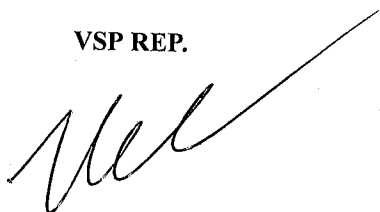
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐO ĐỨC THỊNH	AMD	66	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN THỊN	AMD	78	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN NAM TRUNG	AMD	59	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VĂN VINH	AMD	67	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
5	TÀNG VĂN BA	AMD	62	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN QUỐC VIỆT	AMD	60	1	4		90	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN LÊ DUY LÊ	AMD	58	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
8	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐỒNG	AMD	82-83	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN HAI NAM	AMD	80-81	2	13		61	HLJOC	Vietnamese
10	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	76-77	2	20		68	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG PHÁT	AMD	68-69	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG DUY	AMD	63-64	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DUONG VAN TUYEN	AMD	79	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC KHANH	AMD	61	1	8		84	KH-THAC	Vietnamese
15	TRƯƠNG VĂN BA	AMD	72-73	2	13		75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN TRAI	AMD	74-75	2	14		64	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGỌC TÂN	AMD	65	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN LƯƠNG	AMD	70-71	2	18		69	KH-THAC	Vietnamese
19	TRINH BICH NGOC	HSD	50-51	2	11		67	TLJOC	Vietnamese
20	LÊ VĂN LỘC	HSD	54	1	13		61	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NGỌC THANH	HSD	52-53	2	16		55	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ CHÍ CUÔNG	HSD	55-56	2	15		62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

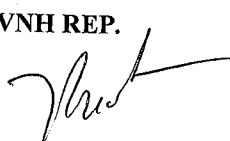
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	18	26	191	1.277	0	18		
2	HSD	4	7	55	245	0	4		
TOTAL		22	33	246	1.522	0	22		
WEIGHT KG				246	1.522	0			

GRAND TOAL: 1.768 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: CLO - BK19 - BK21	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GASUKHA V.	CLO	74	1	10		100	D-HANH	Russian
2	LÊ NHẬT MINH	CLO	75-76	2	10		75	D-HANH	Vietnamese
3	PHẠM TẤT LỰC	CLO	91-92	2	12		70	KHOAN	Vietnamese
4	PHẠM MINH HOANG	CLO	90	1	5		84	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN NGUYỄN MẠNH TUÔNG	CLO	06	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM ĐÌNH THU	CLO	78	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
7	TRẦN VĂN ĐỊNH	CLO	82	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
8	LÊ MINH HIỆP	CLO	85	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
9	BUI VĂN LUẬN	CLO	81	1	4	75	66	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN THANH TÂM	CLO	93	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN CÔNG BẢNG	CLO	87	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	HOANG VĂN QUYÊN	CLO	96-97	2	19		65	YTE	Vietnamese
13	LƯƠNG NGỌC KHƯƠNG	CLO	88-89	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	CLO	95	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
15	TÔ ANH TUẤN	CLO	84	1	5		76	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ HUY TUYẾN	CLO	80	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN XUÂN MẠNH	CLO	83	1	6		60	KHOAN	Vietnamese
18	HOANG THANH MINH	CLO	05	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
19	VŨ THẾ HÙNG	CLO	84	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU TRUNG	CLO	86	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
21	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	CLO	79	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
22	PHAN KHÁC MINH	CLO	77	1	10		80	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	22	26	151	1.549	75	19		CHUYEN 01 PAX TU BK19 SANG BK21
2	BK19	0	0	0	0	0	2	1	
3	BK21	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	26	151	1.549	75	21		
WEIGHT KG				151	1.549	75			

GRAND TOAL: 1.775 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 23/11/2023	TO: TD1 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Dương - XTrường - Huy	ETA: 09:30
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN TIÊN DŨNG	TD1	32	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
2	ĐOÀN TUẤN TŨ	TD1	30	1	4	8	80	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN THIÊN TUÂN	TD1	19	1	3		68	KHOAN	Vietnamese
4	LẠI ĐỨC LAM	TD1	20	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ THANH CÔNG	TD1	23-24	2	10		75	KHOAN	Vietnamese
6	PHẠM VĂN HUNG	TD1	28	1	5		57	KHOAN	Vietnamese
7	BUI NGỌC QUANG	TD1				60	63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN MẠNH TIẾP	TD1	16	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
9	ĐỖ QUANG LỰC	TD1	29	1	8		63	KHOAN	Vietnamese
10	LÊ VIỆT THANH	TD1	21-22	2	5		73	KHOAN	Vietnamese
11	ĐOÀN VĂN MƯỜI	TD1	17	1	12		61	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ VĂN THIÊN	TD1	14-15	2	12		64	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN TUÂN ĐẠT	TD1	25-26	2	13		75	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN DŨNG	TD1	18	1	13		72	ANTOAN	Vietnamese
15	PHAN THANH TÀI	TD1	31	1	5		55	DVL	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN LINH	TD1	34	1	12		68	DVL	Vietnamese
17	PHAN NGỌC TIẾN	TD1	33	1	9		60	DVL	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN HIỆN	TD1	27	1	6		75	DVL	Vietnamese
19	HOANG VIỆT ANH	TD1	13	1	6		66	PSV	Vietnamese
20	LÊ VĂN TÂN	TD2	76	1	10		63	XAYLAP	Vietnamese
21	LÊ ANH ĐỨC	TD2	77	1	6		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD1	19	22	143	1.285	68	14	0	CHUYEN 2 PAX TD1 - TD2
2	TD2	2	2	16	141	0	0	0	
TOTAL		21	24	159	1.426	68	14		
WEIGHT KG				159	1.426	68			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: BK16 - CTK3 - BK6	CREW: ĐỨC - KHẢI - D Sơn	ETA: 09:40
TRANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	IUSUPOV	BK16	11	1	3	16	71	KH-THAC	Russian
2	VU VAN MANH	BK16					82	KH-THAC	Vietnamese
3	LY BANG	BK16					78	KH-THAC	Vietnamese
4	LUU VAN SON	BK16	10	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN VAN LIEU	BK16	09	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HIEU TRUNG	BK16	08	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI NGOC HUY	CTK3	36	1	3	17	75	TEKA	Vietnamese
8	LE HONG DAI	CTK3	39	1	5		75	D-HANH	Vietnamese
9	VU MINH PHUONG	CTK3					71	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM MINH TUAN	CTK3	41-42	2	9		73	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN ANH TUAN	CTK3	44	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN NGOC HIEU	CTK3	43	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAM THANH HAI	CTK3	45-46	2	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VAN THONG	CTK3	40	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE ĐỨC THANG	CTK3	32	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN QUANG VINH	CTK3					85	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI DINH PHI	CTK3	33	1	3		65	NIPI	Vietnamese
18	TRAN VAN LINH	CTK3	35	1	3		72	NIPI	Vietnamese
19	PHAM XUAN HOA	CTK3	34	1	6		82	YTE	Vietnamese
20	ĐÀO QUANG TU	CTK3					69	DUY LINH	Vietnamese
21	NGUYEN TRỌNG HIEN	CTK3	38	1	3		75	HVJOC	Vietnamese
22	NGUYEN ANH ĐỨC	CTK3	37	1	3		73	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	6	4	18	460	16	5		
2	CTK3	16	15	65	1.181	17	12		
3	BK6	0	0	0	0	0	3		
TOTAL		22	19	83	1.641	33	20		
WEIGHT KG				83	1.641	33			

GRAND TOAL: 1.757 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: PPD - RC3 - GTC1	CREW: HUNG - Son - HIÊU	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	GALLIAMOV	PPD	26	1	8		71	KH-THAC	Russian
2	NGUYEN MANH CUONG	PPD	30	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	DO XUAN SON	PPD	27-28	2	18		72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN THANH QUANG	PPD	29	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN QUY	PPD	22-23	2	11		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN NGOC DU	PPD	21	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUOC VIET	PPD	31	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN PHUONG	PPD	20	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN GIANG	PPD	25	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
10	TUONG ANH CAC	PPD					58	KH-THAC	Vietnamese
11	TRAN VAN TAN	PPD	24	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THE QUANG	RC3	93	1	13	35	75	KH-THAC	Vietnamese
13	TRINH HUU CAN	RC3	90	1	15		71	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN NHAT KIM LONG	RC3	88-89	2	13		55	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN LE CHIEN	RC3	87	1	12		88	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAM HONG QUY	RC3	84	1	10		70	DVL	Vietnamese
17	LE DUY HUYNH	RC3	85-86	2	12		67	DVL	Vietnamese
18	LE TRI HAO	GTC1				9	62	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN HUU TAN	GTC1	07	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN HONG MINH	GTC1	98	1	9		92	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐẶNG TRẦN KHANH	GTC1	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
22	LE QUANG HA	GTC1	99	1	7		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	12	69	750	0	9		
2	RC3	6	8	75	426	35	0		
3	GTC1	5	4	31	378	9	13		
TOTAL		22	24	175	1.554	44	22		
WEIGHT KG				175	1.554	44			

GRAND TOAL: 1.773 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	TO: CTK3 - P5 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: CHIẾN - N.ANH - MQUÂN	ETA: 11:45
CAM-2			

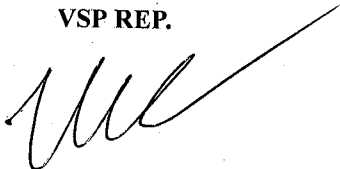
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TÔ TRỌNG TUÂN	CTK3	58	1	10		82	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN HIỆU	CTK3	48	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
3	VU TRONG NGHIA	CTK3	66	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN MẠNH HÙNG	CTK3	61	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN TRỌNG MẠN	CTK3	52	1	5		52	KH-THAC	Vietnamese
6	TRƯƠNG VĂN HAI	CTK3	60	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
7	TRƯƠNG QUỐC BAO	CTK3	50-51	2	7		59	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	CTK3	62-63	2	19		85	KH-THAC	Vietnamese
9	PHẠM CÔNG ƯỚC	CTK3	49	1	3		72	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM VĂN ĐIỂM	CTK3	54	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
11	VÕ MẠU MÈN	CTK3	59	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG THANH	CTK3	55-56	2	8		81	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN TRUNG KIẾN	CTK3					76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN NHAN KHANH	CTK3	53	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM BA HOÀNG	CTK3	64-65	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN MINH DIỆN	CTK3	57	1	4		69	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	AMD	29	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN VĂN LỆ	AMD	28	1	10	15	63	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ VĂN LỢI	AMD	25-26	2	13		57	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	AMD	24	1	4		76	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN ANH DUNG	AMD	99	1	3		71	KH-THAC	Vietnamese
22	PHẠM TUÂN THANH	AMD	98	1	6		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

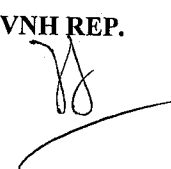
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	16	19	105	1.147	0	12		
2	P5	0	0	0	0	0	4		
3	AMD	6	7	45	414	15	4		
TOTAL		22	26	150	1.561	15	20		
WEIGHT KG				150	1.561	15			

GRAND TOAL: 1.726 KGS

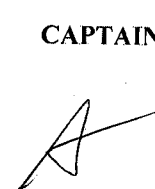
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	TO: P1 - CTK3	CREW: Dương - XTrường - Huy	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VŨ THUẬT	P1	90	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN TRƯỞNG	P1	91	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
3	HOANG NGOC HOAI	P1	54	1	19		62	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG THẮNG LONG	P1	94-95	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
5	PHẠM TÙNG DƯƠNG	P1	93	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYỄN HỮU TUÂN	P1	96-98	3	16		54	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG ĐỨC PHONG	P1	55-56	2	15	40	92	XAYLAP	Vietnamese
8	TRƯƠNG TÂN LỢI	P1	92	1	15		80	XAYLAP	Vietnamese
9	DƯƠNG ĐĂNG CƯỜNG	P1	52-53	2	19		75	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐÌNH TUÂN	CTK3	70-71	2	10		74	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TRƯỞNG AN	CTK3	69	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI THANH HOẠT	CTK3	68	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN ĐỨC BAU	CTK3	79	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TUÂN ANH	CTK3	66-67	2	15		63	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI CÔNG THẮNG	CTK3	78	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG CHUÔNG	CTK3	73	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUÂN	CTK3	74	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN ĐỨC	CTK3	72	1	5		70	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN NGHỊ	CTK3	62,65	2	19		67	XAYLAP	Vietnamese
20	LÊ CÔNG VĂN	CTK3	76	1	5		65	PSV	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY KHANH	CTK3	75	1	5		85	PSV	Vietnamese
22	VU HOANG QUAN	CTK3	77	1	5		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	9	14	128	626	40	2		
2	CTK3	13	16	106	883	0	16		
TOTAL		22	30	234	1.509	40	18		
WEIGHT KG				234	1.509	40			

GRAND TOAL: 1.783 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	TO: TTC1 - PPD	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:10
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: ĐỨC - KHẢI - D Sơn	ETA: 12:00
TRANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ NGỌC THANH	TTC1	80-81	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM TRUNG HIỆU	TTC1	35-36	2	16	67	78	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH TÂM	TTC1	82	1	13		77	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ CHI CÔNG	TTC1	79	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN MINH HAI	PPD	19	1	7		80	KH-THAC	Vietnamese
6	LƯU VIỆT DŨNG	PPD	15	1	4		86	KH-THAC	Vietnamese
7	TÔ HIỀN THANH	PPD	16	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN MẠNH	PPD	02	1	6		50	KH-THAC	Vietnamese
9	TRƯƠNG TUẤN HUNG	PPD	11	1	4		65	KH-THAC	Vietnamese
10	K LY	PPD	10	1	5		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN VĂN THẮNG	PPD	14	1	3		77	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TRƯỞNG SƠN	PPD	12	1	4		74	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN NHÂN	PPD	13	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	PHAN VĂN ĐƯƠNG	PPD					55	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH BÌNH	PPD	17	1	7		88	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN TRƯỞNG GIA TRÍ	PPD	18	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ MẠNH HUNG	PPD	01	1	10		76	ANTOAN	Vietnamese
18	TRẦN NGỌC DUY	PPD	08	1	10		68	XAYLAP	Vietnamese
19	MAI VĂN BÌNH	PPD	07	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN VĂN TRIỆU	PPD	03	1	8	20	60	NAM TIEN	Vietnamese
21	MAI THANH TRUNG	PPD	05-06	2	12		60	NAM TIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TTC1	4	6	57	280	67	0		
2	PPD	17	17	102	1.171	20	22		
TOTAL		21	23	159	1.451	87	22		
WEIGHT KG				159	1.451	87			

GRAND TOAL: 1.697 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 23/11/2023	TO: CLO - CTK3 - BK16	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Linh - NPhú - THỤ	ETA: 14:00
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRAN DANG KHOA	CLO	08-09	2	10		72	KHOAN	Vietnamese
2	BUI ĐỨC TRUNG	CLO	39	1	10	21	60	DVL	Vietnamese
3	TRẦN VĂN GIANG	CLO	40	1	6		73	DVL	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG SƠN	CLO	41	1	6		72	DVL	Vietnamese
5	NGUYỄN HỮU VIỆT	CLO	38	1	15		60	DVL	Vietnamese
6	ĐOÀN HIỆP THỌ	CLO	42-43	2	20		70	DUYLINH	Vietnamese
7	ĐÔNG XUAN QUẬN	CLO	48-49	2	10		65	DUYLINH	Vietnamese
8	NGUYỄN NHẬT NAM	CLO	46-47	2	18		67	DUYLINH	Vietnamese
9	HOANG VAN CHUNG	CLO	50-51	2	10		74	DUYLINH	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC QUY	CLO	44-45	2	10		74	DUYLINH	Vietnamese
11	TRẦN LONG NHẬT	CTK3	19	1	5		57	PSV	Vietnamese
12	NGUYỄN TRUNG THANH	CTK3	60	1	6		70	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN ĐỒ	CTK3	20	1	9		69	PSV	Vietnamese
14	PHẠM VĂN HÀ	BK16	05	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI CÔNG THANH	BK16	02-03	2	15	45	80	XAYLAP	Vietnamese
16	LE ANH CUONG	BK16	80	1	8		75	XAYLAP	Vietnamese
17	TRẦN MẠNH HÙNG	BK16	04	1	12		74	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYỄN MẠNH DŨNG	BK16	01-02	2	16		74	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH CHIẾN	BK16	06	1	8		70	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

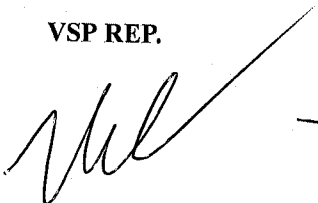
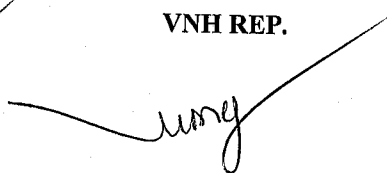
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CLO	10	16	115	687	21	6		
2	CTK3	3	3	20	196	0	9		
3	BK16	6	8	64	447	45	6		
TOTAL		19	27	199	1.330	66	21		
WEIGHT KG				199	1.330	66			

GRAND TOAL: 1.595 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN


KẾ HOẠCH BAY NGÀY 24/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Giờ bay	Đi		Về		Ghi chú
				Người	Hàng	Người	Hàng	
1		RCDM+RP1	7:25	14+6	0+0	7+15	0+0	
2		RP3+RC6	7:25	20+2	0+0	19+3	0+0	
3		RC5+TD2	7:25	7+15	0+0	5+17	0+0	
4		P1+RP1	7:25	2+18	0+0	0+22	0+0	
5		RC6+TD2	9:25	7+15	0+0	6+15	0+0	
6		VSP02+RP2	9:25	22+0	0+0	12+10	0+0	
7		CTC1+VSP02	9:25	3+17	0+0	1+21	0+0	
8		RP3	10:25	22	0	22	0	
9		RC4+RCDM+RC5	11:25	11+0+6	0+0+0	6+5+11	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
đi về trong ngày RCDM-3ng, RC5-5ng, RP3-2ng

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	TO: RCDM - RP1	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: CHIẾN - MTHAO - DTùng	ETA: 09:20
xanh-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI NGOC HUY	RCDM					70	TEKA	Vietnamese
2	VU MINH PHUONG	RCDM					73	KH-THAC	Vietnamese
3	DOAN MINH HIỆP	RCDM	93	1	7	60	50	NAM TIEN	Vietnamese
4	BUI KIEN ĐỨC	RCDM	98-99	2	12		89	D-HANH	Vietnamese
5	NGUYEN HUU TOAN	RCDM	87	1	7		76	KH-THAC	Vietnamese
6	TRAN BUI NAM	RCDM	91	1	3		92	KH-THAC	Vietnamese
7	TU TUAN TU	RCDM	92	1	7		90	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH MINH TRI	RCDM	90	1	5		48	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN QUOC QUAN	RCDM	89	1	12		78	CODIEN	Vietnamese
10	ĐANG DINH TUAN	RCDM	88	1	15		80	CODIEN	Vietnamese
11	HỒ TRỌNG BẢNG	RCDM	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
12	PHAN THANH NAM	RCDM	86	1	9		75	PSV	Vietnamese
13	LE HUY TAM	RP1	74	1	3		55	KH-THAC	Vietnamese
14	LA VAN TOI	RP1	72	1	8		95	YTE	Vietnamese
15	TRAN HOANG SANG	RP1	77	1	13	7	85	KH-THAC	Vietnamese
16	TRAN TUAN ANH	RP1	76	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN THANH HAI	RP1	73	1	7		56	KH-THAC	Vietnamese
18	BUI NGOC LONG	RP1	75	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RCDM	12	11	82	891	60	7		
2	RP1	6	6	46	437	7	15		
TOTAL		18	17	128	1.328	67	22		
WEIGHT KG				128	1.328	67			

GRAND TOAL: 1.523 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	TO: RP3 - RC6	CREW: HUNG - HTrung - PTUÁN	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUỐC KHIÊM	RP3	02	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
2	VŨ TRUNG KIẾN	RP3	20	1	6		81	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẦN ANH ĐÔNG	RP3	11	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
4	VŨ TÂN CHÂU	RP3	17	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ QUANG TỎ	RP3	10	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN SỸ ĐIẾP	RP3	12	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
7	CAO ĐỨC THANH	RP3	03	1	4		76	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CÔNG HÙNG	RP3	09	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
9	VŨ QUANG HÙNG	RP3	15	1	10		73	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐẶNG CÔNG THỊNH	RP3	14	1	9		83	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THÁI SƠN	RP3	07-08	2	20		57	CODIEN	Vietnamese
12	CHAKANOV VITALY	RP3	23	1	5		75	KHI	Russian
13	NGUYỄN HỒNG QUÂN	RP3	21-22	2	15		80	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN CÔNG SOAI	RP3	05	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TẤT THANH	RP3	19	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐẶNG HAI HA	RP3	16	1	15		81	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM QUỐC CHÈ	RP3	06	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH TÙNG	RP3	04	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
19	PHẠM XUÂN HOÀNG	RP3	18	1	9		90	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐÌNH HỘ	RP3	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VŨ QUANG TUYẾN	RC6	45	1	6	14	70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN HÂN	RC6					81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	20	22	157	1.475	0	19		
2	RC6	2	1	6	151	14	3		
TOTAL		22	23	163	1.626	14	22		
WEIGHT KG				163	1.626	14			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2023	TO: RC5 - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: Linh - NPhú - Huy	ETA: 09:30
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CAO THANH HỢP	RC5	64	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	KUZMENKO TIMOFEY	RC5	61	1	5		82	KH-THAC	Russian
3	PHUONG THI THANH ĐỨC	RC5					65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN LỊCH	RC5	63	1	4		79	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐANG NGUYỄN DUY NHÀN	RC5					51	KH-THAC	Vietnamese
6	ZHURAVSKII	RC5	62	1	3		67	KH-THAC	Russian
7	BUI QUỐC VIỆT	RC5					80	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN TAI THUYẾT	TD2	03-04	2	10		57	KHOAN	Vietnamese
9	VU THẬP TOÀN	TD2					70	KHOAN	Vietnamese
10	PHAN TUAN ANH	TD2	09	1	6		86	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN KHẮC HÀ TRUNG	TD2	12	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
12	ĐỖ VĂN HUNG	TD2	900	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
13	LÊ ANH QUÂN	TD2	06	1	3		72	KHOAN	Vietnamese
14	LY XUAN TRUNG	TD2	14-15	2	22		66	YTE	Vietnamese
15	LÊ TUAN NGHĨA	TD2	10	1	3	22	73	KHOAN	Vietnamese
16	ĐÌNH DUY HAI	TD2	13	1	9		63	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ MINH ĐỨC	TD2	08	1	7		93	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYỄN CHÍ ĐỨC	TD2	02	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
19	ĐÌNH VĂN HUÂN	TD2	01	1	7		77	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN DUÂN	TD2	07	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
21	ĐÌNH VĂN TÀI	TD2	05	1	3		52	KHOAN	Vietnamese
22	VU VAN THUY	TD2	11	1	5		70	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC5	7	4	17	489	0	5		
2	TD2	15	16	91	1.029	22	17		
TOTAL		22	20	108	1.518	22	22		
WEIGHT KG				108	1.518	22			

GRAND TOAL: 1.648 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:50
FLIGHT: 4	TO: P1 - RP1	CREW: LHai - TĐông - DSon	ETA: 09:40
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐOÀN VĂN TRĂNG	P1				33	70	KH-THAC	Vietnamese
2	TẠ VĂN CUÔNG	P1	76	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN BAO TRUNG	RP1	30	1	2		64	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐINH VĂN LIÊN	RP1	34	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG THÔNG	RP1					74	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG VŨ NHẬT VINH	RP1	25	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ TRI KHANH	RP1	32	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ BA NẾP	RP1	33	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NĂNG	RP1	24	1	7		79	KH-THAC	Vietnamese
10	PHUNG ĐẠI DƯƠNG	RP1	23	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
11	DƯƠNG NHẬT THANH	RP1	27	1	10		75	KH-THAC	Vietnamese
12	TẠNG THANH DÂN	RP1	22	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRUNG TIN	RP1	19	1	6		95	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ VĂN ĐÔNG	RP1	36-37	2	10		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT HUNG	RP1	28	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
16	PHAN XUÂN THANH	RP1	20	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG TRỌNG GIAO	RP1	21	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
18	PHAN TRỌNG HIẾU	RP1	26	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	VŨ ĐÌNH ĐẠI	RP1	35	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
20	VŨ HUY HOÀNG	RP1	29	1	14		81	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

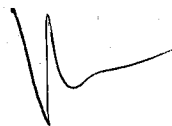
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P1	2	1	4	140	33	0		
2	RP1	18	18	103	1.300	0	22		
TOTAL		20	19	107	1.440	33	22		
WEIGHT KG				107	1.440	33			

GRAND TOAL: 1.580 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:50
FLIGHT: 5	TO: RC6 - TD2	CREW: CHIẾN - MTHAO - DTùng	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU TIEN BINH	RC6	77-78	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN VAN LA	RC6					67	KH-THAC	Vietnamese
3	TRAN DUC SON	RC6	68-69	2	17		70	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN HOANG AN	RC6	71	1	14	60	75	KH-THAC	Vietnamese
5	VU TRONG NHIEN	RC6	67	1	12		55	KH-THAC	Vietnamese
6	PHAM THAI SON	RC6	70	1	10		78	KH-THAC	Vietnamese
7	KIEU MINH QUYET	RC6	66	1	6		65	PSV	Vietnamese
8	PHAM VAN HUNG	TD2	19	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	TRAN VAN MINH	TD2	24	1	13		65	KHOAN	Vietnamese
10	CU THANH NHAN	TD2	21	1	4		63	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH HOAN	TD2	20	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
12	BUI THO DUONG	TD2	29	1	5		61	KHOAN	Vietnamese
13	VU TRUNG KIEN	TD2	27	1	15		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN QUOC TRI	TD2	22	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
15	TRAN QUOC HUNG	TD2	30-31	2	20		85	KH-THAC	Vietnamese
16	ĐANG DUC HA	TD2	28	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN MANH CUONG	TD2	23	1	14		105	KH-THAC	Vietnamese
18	HUYNH MINH SANG	TD2	25-26	2	7		79	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN NGOC TU	TD2	32-33	2	8		72	KH-THAC	Vietnamese
20	LUONG TUAN ANH	TD2	34	1	9		75	KH-THAC	Vietnamese
21	LE QUY TOAN	TD2	35-36	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
22	ĐAO VAN TIEN	TD2	17-18	2	10		57	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	7	8	74	480	60	6		
2	TD2	15	20	147	1.063	0	15		
TOTAL		22	28	221	1.543	60	21		
WEIGHT KG				221	1.543	60			

GRAND TOAL: 1.824 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 24/11/2023	TO: VSP02 - RP2	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: HUNG - HTrung - PTUẤN	ETA: 11:45
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN VĂN DŨ	VSP02	11-12	2	9		75	YTE	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN QUYẾT	VSP02	54	1	7		52	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐẶNG NGỌC CUÔNG	VSP02	08	1	4	19	69	KH-THAC	Vietnamese
4	VÕ TÂN LINH	VSP02	46	1	7		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN XUÂN GIANG	VSP02	47	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
6	DUCHENKO A.L	VSP02	49	1	7		137	KH-THAC	Russian
7	TRẦN LÊ HỘI	VSP02	52	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN XUÂN KINH	VSP02	53	1	6		61	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH THAO	VSP02					72	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐO QUỐC TRÌNH	VSP02	55-56	2	9		66	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM DUY QUANG	VSP02	51	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VIỆT NGỌC	VSP02	10	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
13	HUYNH ANH BAO	VSP02	57	1	10		81	KH-THAC	Vietnamese
14	DƯƠNG TRUNG VIỆT	VSP02					81	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGUYỄN QUANG	VSP02	50	1	8		77	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM TRỌNG TUẤN	VSP02	15	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI XUÂN TIẾN	VSP02	09	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	VŨ THAI SƠN	VSP02	58	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
19	HA MANH THẮNG	VSP02	48	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI HUY BÌNH	VSP02	13-14	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	VSP02					70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	VSP02	21	21	120	1.515	19	12		
2	RP2	0	0	0	0	52	10		
TOTAL		21	21	120	1.515	71	22		
WEIGHT KG				120	1.515	71			

GRAND TOAL: 1.706 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 406	ETD: 10:00
FLIGHT: 7	TO: CTC1 - VSP02	CREW: Linh - NPhú - Huy	ETA: 11:50
VANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TÌNH	CTC1	73-74	2	15	21	70	CODIEN	Vietnamese
2	PHẠM TIẾN DŨNG	CTC1	72	1	12		71	CODIEN	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐỨC MẠNH	CTC1	75	1	5		57	PSV	Vietnamese
4	ĐỖ TRUNG DŨNG	VSP02	76	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM HỮU TRÍ	VSP02	94	1	15		68	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	VSP02	95-96	2	10		80	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN HỮU KHANH	VSP02	91	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
8	LŨ SƠN	VSP02	87	1	7		73	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ XUÂN HÙNG	VSP02	89	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
10	LUƠNG HOÀNG ĐẠT	VSP02	92-93	2	15		72	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	VSP02	97-98	2	12		95	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ MINH SỸ	VSP02	82-83	2	10		77	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN QUANG TRUNG	VSP02	81	1	8		77	CODIEN	Vietnamese
14	PHẠM TIẾN CUÔNG	VSP02	85	1	9		70	CODIEN	Vietnamese
15	NGO HÙNG HẢI	VSP02	90	1	13		70	ANTOAN	Vietnamese
16	VŨ XUÂN TOÀN	VSP02	80	1	3		80	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐĂNG KHOA	VSP02	79	1	7		65	PSV	Vietnamese
18	HOÀNG VĂN TRUNG	VSP02	77	1	5		83	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN KHUÔNG	VSP02	86	1	10		57	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HƯƠNG	VSP02	78	1	7		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	3	4	32	198	21	1		
2	VSP02	17	21	149	1.219	0	21		
TOTAL		20	25	181	1.417	21	22		
WEIGHT KG				181	1.417	21			

GRAND TOAL: 1.619 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	TO: RP3	AIRCRAFT: 416	ETD: 10:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: LHải - TĐông - DSon	ETA: 12:20
TRANG-3			

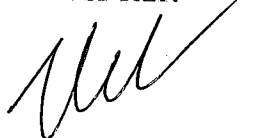
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUY HAI	RP3					63	KH-THAC	Vietnamese
2	MAI TUÂN KIẾT	RP3	28	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
3	PHẠM THANH TUNG	RP3	31	1	14		98	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU MẬU	RP3	32	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ THANH LÂM	RP3	40	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM DUY NHIÊN	RP3	34	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐINH QUANG THANH	RP3	01	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
8	HUYNH TÂN NGON	RP3	29	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN VĂN TIEN	RP3	39	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
10	DƯƠNG CHUNG THUY	RP3	24	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN VIỆT HUNG	RP3	41	1	5		59	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH BINH	RP3	04	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HOANG	RP3	25-26	2	13		90	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN XUAN CUONG	RP3	02	1	13		70	CODIEN	Vietnamese
15	ĐẶNG TIEN TOAN	RP3	03	1	14		73	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN PHU	RP3	42,900	2	15		70	CODIEN	Vietnamese
17	TRẦN QUỐC BÌNH	RP3	05-06	2	8		63	CODIEN	Vietnamese
18	VŨ ĐỨC TUNG	RP3	35-37	3	17		79	YTE	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HA	RP3	27	1	3		63	PSV	Vietnamese
20	BUI VĂN TUÂN	RP3	30	1	6		67	PSV	Vietnamese
21	PHẠM VĂN HOANG	RP3	33	1	4		63	PSV	Vietnamese
22	ĐẶNG ĐÌNH KHAI	RP3	38	1	11		72	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	22	26	174	1.573	0	22		
TOTAL		22	26	174	1.573	0	22		
WEIGHT KG				174	1.573	0			

GRAND TOAL: 1.747 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 24/11/2023	TO: RC4 - RCDM - RC5	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: Dương - ĐNam - Thành	ETA: 14:00
XANH-3			

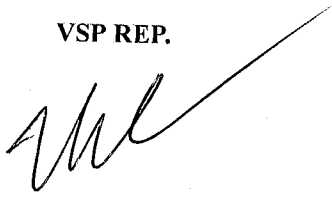
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	CHU ĐÌNH HOÀI	RC4	69	1	7		82	NAM TIEN	Vietnamese
2	ĐÌNH VĂN DUNG	RC4	67-68	2	12	20	71	NAM TIEN	Vietnamese
3	BUI THANH LONG	RC4	70	1	12		55	NAM TIEN	Vietnamese
4	TRẦN MINH THỊ	RC4	71	1	10		110	KH-THAC	Vietnamese
5	VÔ QUỐC THÔNG	RC4	65-66	2	15		78	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐẶNG TRUNG HIỆU	RC4	69-70	2	18		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH SƠN	RC4	73	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN HUY	RC4	72	1	15		85	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ĐÌNH THAM	RC4	68	1	8		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CAO MÔNG	RC4	67	1	5		57	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC TUÂN	RC4	65-66	2	17		75	DK9	Vietnamese
12	NGUYỄN THANH CONG	RCDM	900	1	10		60	NAMTIEN	Vietnamese
13	TÔ TIẾN DUNG	RC5	71	1	7		74	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN ĐỨC NHAN	RC5	69-70	2	12		75	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG ĐÌNH HOÀ	RC5	67-68	2	12		56	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐÌNH LỘC	RC5	65	1	9		76	PSV	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC CUÔNG (1967)	RC5	66	1	10		55	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	11	15	126	828	20	6		
2	RCDM	1	1	10	60	0	5		
3	RC5	5	7	50	336	0	11		
TOTAL		17	23	186	1.224	20	22		
WEIGHT KG				186	1.224	20			

GRAND TOAL: 1.430 KGS

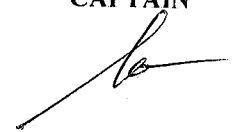
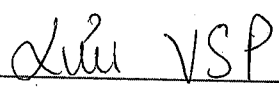
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 25/11/2023

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD3	7:25	22	0		22	0	
2		TD5+TD3	7:25	16+6	0+0		15+7	0+0	
3		P4+P1+P2	9:25	9+10+3	0+0+0		7+8+7	0+0+0	chuyen 2 p4- p1
4		TD5+P2+P4	9:25	12+10+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TTĐBSX



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: TD3	CREW: ĐỨC - KHẢI - DSON	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LA THANH	TD3	70-71	2	25		70	YTE	Vietnamese
2	TRẦN VĂN HƯƠNG	TD3	98-99	2	15	42	77	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HOANG NAM	TD3	78	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
4	VŨ NGỌC THANH	TD3	72	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
5	PHẠM THANH DŨNG	TD3	73	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN SANG	TD3	600	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
7	ĐÀO LÊ XUÂN SƠN	TD3	93	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN TRỌNG BẰNG	TD3	94	1	9		71	KHOAN	Vietnamese
9	VUÔNG HỮU QUỐC THAI	TD3	97	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ TRỌNG NGHĨA	TD3					75	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ANH	TD3	74-75	2	12		78	KHOAN	Vietnamese
12	HỒ VĂN THẮNG	TD3	79	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN NGỌC BAO TỬ	TD3	96	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	HOÀNG THANH TỬ	TD3					82	KHOAN	Vietnamese
15	TRẦN NGỌC TUẤN	TD3	92	1	3		62	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN HÙNG	TD3	95	1	5		77	KHOAN	Vietnamese
17	TÀ HOAI TRANG	TD3	90	1	12		75	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN TUỔI	TD3	84-85	2	17		70	XAYLAP	Vietnamese
19	TRỊNH NGỌC THẢO	TD3	82-83	2	18		71	XAYLAP	Vietnamese
20	HOÀNG QUANG HÙNG	TD3	80-81	2	25		72	XAYLAP	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC ĐOÀI	TD3	91	1	12		60	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐOÀN NGỌC ĐỊNH	TD3	88-89	2	15	30	75	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	22	27	213	1.566	72	22		
TOTAL		22	27	213	1.566	72	22		
WEIGHT KG				213	1.566	72			

GRAND TOAL: 1.851 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

pilot lấy đủ manifest.

FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/11/2023	TO: TD5 - TD3	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 09:25
CAM-1			

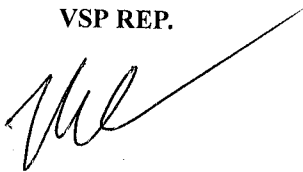
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM VĂN CHIẾN	TD5	91	1	4		78	KHOAN	Vietnamese
2	PHẠM VĂN HƯƠNG	TD5	93	1	6		63	KHOAN	Vietnamese
3	BUI ĐÌNH PHÚC	TD5				45	71	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	99	1	6		62	KHOAN	Vietnamese
5	TU ĐƯƠNG DŨNG	TD5	92	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
6	CAO ĐỨC HAI	TD5	89	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
7	LÊ TIẾN DŨNG	TD5	90	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG THAI	TD5	49	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
9	ALEKHIN ALEXANDR	TD5	27	1	7		99	KHOAN	Russian
10	LƯU XUÂN HẠNH	TD5	95	1	3		70	KHOAN	Vietnamese
11	LUÔNG MINH PHỤNG	TD5	50	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
12	BUI TÂN BÌNH	TD5	94	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
13	TÔ THANH HUNG	TD5	97-98	2	6		55	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH BÌNH	TD5	48	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
15	ĐÌNH ĐỨC KIẾN	TD5	96	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
16	PHAN DUY NGỌC	TD3	91-92	2	12		53	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ CÔNG THUỜNG	TD3	93-94	2	19		80	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐÌNH VĂN TÙNG	TD3	89-90	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
19	VÔ HOÀNG TIẾN	TD3	64	1	17		79	XAYLAP	Vietnamese
20	NGÔ LAI THÍCH	TD3	87-88	2	18		82	XAYLAP	Vietnamese
21	PHẠM VĂN TƯỜNG	TD3	63	1	5	20	80	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	15	15	72	1.069	45	15		
2	TD3	6	10	90	434	20	7		
TOTAL		21	25	162	1.503	65	22		
WEIGHT KG				162	1.503	65			

GRAND TOAL: 1.730 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/11/2023	FROM: VT	AIRCRAFT: 416	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	TO: P4 - P1 - P2	CREW: ĐỨC - KHẢI - DSON	ETA: 11:40
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ TUẤN ANH	P4	01,76-77	3	24		77	XAYLAP	Vietnamese
2	LÊ VĂN BÌNH	P4	67-68	2	22		60	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM CÔNG ĐIỆN	P4					78	PSV	Vietnamese
4	TRẦN VĂN NAM	P4	74	1	5		78	PSV	Vietnamese
5	ĐOÀN VĂN TUYẾN	P4	72	1	5		75	PSV	Vietnamese
6	HOÀNG THÁI LONG	P4	71	1	5	58	56	PSV	Vietnamese
7	LƯU ĐÌNH THAI	P4	75	1	5		55	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN TRUNG ĐỨC	P4	73	1	6		70	PSV	Vietnamese
9	TRẦN CÔNG VƯƠNG	P4	69-70	2	18		56	PSV	Vietnamese
10	TRẦN HỮU DŨNG	P1	87-89	3	21		85	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỒNG HAI	P1	79-80	2	23		64	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN TRUNG KIẾN	P1	85	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	LÊ HỒNG MINH	P1	83	1	7		72	PSV	Vietnamese
14	VŨ VĂN CHUYỀN	P1	82	1	8	40	68	PSV	Vietnamese
15	PHAN SỸ HOÀN	P1	86	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN HAI TRUNG	P1	81	1	5		72	PSV	Vietnamese
17	NGUYỄN ANH TUẤN	P1	84	1	7		66	PSV	Vietnamese
18	HOANG ANH TUAN	P1	91	1	10	25	64	XAYLAP	Vietnamese
19	DUONG VAN TUAN	P1	90	1	12		76	XAYLAP	Vietnamese
20	LƯƠNG THUY DƯƠNG	P2	51	1	10		52	NIPI	Vietnamese
21	BUI THI PHƯƠNG THAO	P2	50	1	10		71	NIPI	Vietnamese
22	PHẠM NGỌC SƠN	P2	48-49	2	14		82	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P4	9	12	90	605	58	7	2	CHUYEN 2 PAX P4-P1
2	P1	10	13	103	707	65	8		
3	P2	3	4	34	205	0	7		
TOTAL		22	29	227	1.517	123	22		
WEIGHT KG				227	1.517	123			

GRAND TOAL: 1.867 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 25/11/2023	TO: TD5 - P2 - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:55
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Linh - MTHAO - Huy	ETA: 11:45
CAM-2			

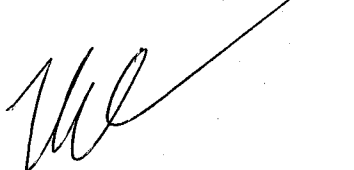
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH VAN VUONG	TD5	69	1	10		89	PVDWS	Vietnamese
2	ISRAEL MONTES RODRIGUEZ	TD5	70-71	2	14		76	HAL/PVDW	Mexican
3	NGUYEN NHO DONG	TD5	77	1	19		75	DMC-MI	Vietnamese
4	KHUC THAI HOA	TD5	83	1	12		62	DMC-MI	Vietnamese
5	NGO VAN TRONG	TD5	80	1	10		60	DMC-MI	Vietnamese
6	NGUYEN HUU TINH	TD5	75-76	2	16		70	DMC-MI	Vietnamese
7	MAI HAI LONG	TD5	72	1	5		73	D-HANH	Vietnamese
8	PHAM XUAN HAI	TD5					73	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN MINH TIEN	TD5	68	1	9		88	KHOAN	Vietnamese
10	VU ANH HIEU	TD5	78	1	6	20	56	SCHLUMBE	Vietnamese
11	TRAN DUC THINH	TD5	81-82	2	19		80	SCHLUMBE	Vietnamese
12	NGUYEN DUY MINH	TD5	73-74	2	17		96	SCHLUMBE	Vietnamese
13	NGUYEN TRONG HIEU	P2	60	1	5		64	PSV	Vietnamese
14	NGUYEN VAN VUONG	P2	61	1	4		76	PSV	Vietnamese
15	BUI LONG HUNG	P2	57	1	5		70	PSV	Vietnamese
16	TRUONG TRONG HAN	P2	64	1	3		56	PSV	Vietnamese
17	BUI HUU TRI	P2	58	1	5		60	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN THANH TRUNG	P2	59	1	5		72	PSV	Vietnamese
19	HOANG VAN CONG	P2	63	1	9	71	57	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN DUC TRONG	P2	62	1	6		63	PSV	Vietnamese
21	LUU VAN DIEP	P2	54	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN HUU HOANG ANH	P2	55-56	2	12		104	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

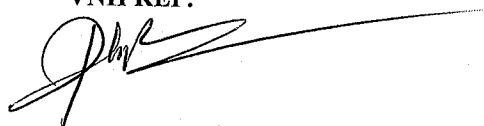
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	12	15	137	898	20	0		
2	P2	10	11	65	692	71	14		
3	P4	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	26	202	1.590	91	22		
WEIGHT KG				202	1.590	91			

GRAND TOAL: 1.883 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

